

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/12/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng Quản trị

	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Thái Bá Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/10/2015
Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2015
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/10/2015
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/10/2015
Ông Huỳnh Tô Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2012

Ban Kiểm soát

	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Phước Thái	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/05/2012
Ông Lê Nguyễn Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/03/2014
Ông Lê Văn Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2013

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/10/2015
Bà Trần Như Thiên Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2012
Ông Nguyễn Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2012
Ông Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/10/2012

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG GIANG

Số: 02/BCKT/2016-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01/02/2016 từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.1 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số

244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Thông tư 200 yêu cầu điều chỉnh một số số liệu so sánh như được thuyết minh tại mục 4.21 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 03/03/2015.



Trần Dương Nghĩa

Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1309-2015-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Miền Trung
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Kim Văn Việt

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1486-2015-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.078.495.431	386.714.836.620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	74.754.782.132	20.804.030.783
1. Tiền	111		74.754.782.132	10.804.030.783
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.109.220.480	170.874.408.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	185.061.582.246	185.697.605.968
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	594.203.721	4.111.789.550
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.188.414.320	1.592.150.673
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(19.734.979.807)	(20.527.137.398)
IV. Hàng tồn kho	140	10	63.765.049.798	192.003.535.571
1. Hàng tồn kho	141		64.846.494.173	192.003.535.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.081.444.375)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.449.443.021	3.032.861.473
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	69.583.185	455.046.698
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.379.859.836	2.538.092.013
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	39.722.762
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.102.165.787	62.856.243.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.000.000	14.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	14.000.000	14.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.299.300.092	54.212.124.150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	35.671.201.796	45.584.025.854
Nguyên giá	222		190.361.756.378	191.883.964.603
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.690.554.582)	(146.299.938.749)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.628.098.296	8.628.098.296
Nguyên giá	228		10.829.997.367	10.829.997.367
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.201.899.071)	(2.201.899.071)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.851.128.034	427.286.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.851.128.034	427.286.888
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	2.937.737.661	7.940.069.261
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.859.870.000	2.859.870.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		77.867.661	5.080.199.261
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	262.763.609
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	262.763.609
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		365.180.661.218	449.571.080.528

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		243.480.866.903	325.897.937.261
I. Nợ ngắn hạn	310		243.480.866.903	325.897.937.261
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.813.493.258	12.134.972.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	581.232.020	1.133.321.380
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	8.737.631.707	2.077.603.464
4. Phải trả người lao động	314		11.905.715.281	23.986.744.687
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	513.783.259	277.004.514
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	40.909.091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.708.323.547	4.042.812.859
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	213.757.511.840	282.163.072.007
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		463.175.991	41.496.327
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.699.794.315	123.673.143.267
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	121.699.794.315	123.673.143.267
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(51.650.000)	(51.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.063.546.035
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.363.210.555	12.661.247.232
- LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.650.791.266	6.167.492.722
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.712.419.289	6.493.754.510
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		365.180.661.218	449.571.080.528

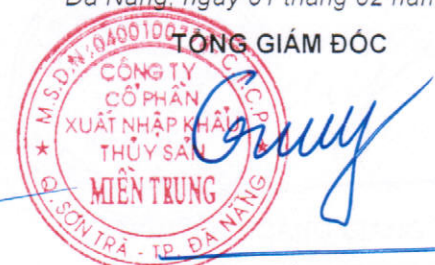
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





LÊ THANH PHƯƠNG

LÊ THANH PHƯƠNG

NGUYỄN HOÀNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.323.021.271.104	1.505.501.965.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	7.869.685.582	14.032.606.904
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	10		1.315.151.585.522	1.491.469.358.302
4. Giá vốn hàng bán	11	25	1.246.359.533.341	1.403.560.624.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	20		68.792.052.181	87.908.733.453
6. Doanh thu hoạt động tài chính—	21	26	9.822.753.556	11.245.148.734
7. Chi phí tài chính	22	27	15.036.166.342	16.132.486.873
Trong đó, chi phí lãi vay	23		10.186.946.822	13.884.526.773
8. Chi phí bán hàng	25	28	24.659.540.917	34.789.929.035
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	31.710.405.701	40.741.992.544
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.208.692.777	7.489.473.735
11. Thu nhập khác	31	30	1.146.697.484	890.562.655
12. Chi phí khác	32	31	75.277.877	302.180.598
13. Lợi nhuận khác	40		1.071.419.607	588.382.057
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.280.112.384	8.077.855.792
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.567.693.095	1.584.101.282
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.712.419.289	6.493.754.510
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22.4	671	581
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	22.5	568	581

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





LÊ THANH PHƯƠNG

LÊ THANH PHƯƠNG

NGUYỄN HOÀNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.387.291.506.193	1.569.020.010.947
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(1.120.325.617.338)	(1.752.820.704.160)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(78.044.635.688)	(69.618.220.835)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.240.965.072)	(13.851.866.961)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(916.509.204)	(914.283.619)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.924.090.445	842.371.488.216
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(92.040.683.214)	(562.954.909.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	111.647.186.122	11.231.514.515
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.601.211.311)	-
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và TS DH khác	22	374.303.205	16.245.361
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(116.410.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.002.331.600	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	711.646.603	2.655.858.542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.487.070.097	2.555.693.903
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	946.198.901.852	1.372.051.378.288
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.014.604.462.019)	(1.379.949.371.900)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	8.228.524.230	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(60.177.035.937)	(7.897.993.612)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	53.957.220.282	5.889.214.806
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.804.030.783	14.914.815.977
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.468.933)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	74.754.782.132	20.804.030.783

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THANH PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THANH PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/12/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 869 người (31/12/2014: 908 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi chở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận trụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty liên kết

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang	584 Lê Hồng Phong, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	22,35%	22,35%	22,35%

Các đơn vị trực thuộc

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	Khu công nghiệp Đà Nẵng - Phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất
nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại
Hải Phòng

Số E5/12 ngõ 411 đường Đà Nẵng, Phường Đông
Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất
nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại
Thành phố Hồ Chí Minh

166 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

4. Các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Áp dụng các hướng dẫn kế toán mới

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.19

4.2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có

giao. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch mua bán;
- Phải thu khác là các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

4.1. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay: được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định.

4.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo điều lệ công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.13. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

4.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, ...

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 22% đối với các thu nhập khác.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

4.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

4.21. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Đơn vị tính: VND

Bảng Cân đối kế toán (Trích)

Tài sản	Mã số	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.592.150.673	1.331.680.583
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	274.470.090
Phải thu dài hạn khác	216	14.000.000	-
Nguồn vốn	Mã số	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	40.909.091	-
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	40.909.091
Quỹ dự phòng tài chính	418	-	2.933.877.905
Quỹ đầu tư phát triển	418	11.063.546.035	8.129.668.130

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây)
Thu nhập khác	31	890.562.655	970.381.741
Chi phí khác	32	302.180.598	381.999.684
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	581	649
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	581	649

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngoại tệ	Số cuối năm	Ngoại tệ	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ (VND)		139.256.966		125.627.688
- Văn phòng Công ty		89.813.966		82.595.000
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh		39.061.000		37.275.000
- Chi nhánh Hải Phòng		-		2.142.688
- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản		10.382.000		3.615.000
- Công ty CB và XK thủy sản Thọ Quang		-		-
Tiền gửi ngân hàng		72.242.897.166		10.678.403.095
- Văn phòng Công ty		68.534.191.757		5.669.985.846
+ VND		46.876.223.801		4.539.368.184
+ USD	964.961,20 #	21.657.967.956	52.903,60 #	1.130.617.662
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VND)		2.553.879.139		3.380.657.515
- Chi nhánh Hải Phòng (VND)		370.187.805		587.476.172
- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản (VND)		725.832.460		983.181.869
- Công ty CB và XK thủy sản Thọ Quang		58.806.005		57.101.693
+ VND		24.180.927		24.664.024
+ USD	1.542,86 #	34.625.078	1.517,26 #	32.437.669
Tiền đang chuyển		2.372.628.000		-
- Văn phòng Công ty		2.372.628.000		-
Các khoản tương đương tiền (VND)		-		10.000.000.000
- Văn phòng Công ty		-		10.000.000.000
Cộng		74.754.782.132		20.804.030.783

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	61.648.582.059	32.283.775.760
Kyokyo	9.296.237.435	-
Maruha Nichiro Sea foods INC	8.937.906.250	14.719.590.369
Proda S.P.A Produzione	1.920.224.830	1.396.477.460
Setraco	2.264.154.340	-
Sojitz Corporation	1.445.106.500	3.442.718.776
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân	31.513.293.021	-
Minobe Swissan	-	1.258.793.604
Phải thu khách hàng khác	6.271.659.683	11.466.195.551

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Hồ Chí Minh	70.988.198.043	97.598.484.410
Công ty TNHH TM Thép Đại Toàn Thắng	-	28.460.863.117
Công ty TNHH MTV TM DV XNK Hợp Tiến	14.059.338.296	-
Công ty TNHH SX TM Kiên Thanh	8.156.172.094	2.973.496.702
Công ty TNHH Thép Trung Nguyên	-	5.499.999.999
Công ty TNHH TM SX Toàn Thắng Lợi	9.910.546.677	14.070.361.374
Công ty TNHH TM Tân Vinh Thái	9.923.197.109	24.229.267.273
Công ty CP Thép Vạn Thành	7.510.783.175	-
Công ty CP Đầu tư và XD An Thịnh	1.780.182.006	1.780.182.006
Công ty TNHH Cơ khí Đóng tàu Hà Đức	4.731.440.752	4.731.440.752
Công ty TNHH TM DV Nam Hà Việt	-	134.898.188
Công ty CP XNK Thép Phú Lâm	10.994.961.290	10.994.961.290
Công ty TNHH Tân Hải Hưng	318.571.653	318.571.653
Phải thu khách hàng khác	3.603.004.991	4.404.442.056
Chi nhánh Hải Phòng	45.693.635.076	50.482.145.082
Công ty CP Inox Hoà Bình	32.833.696.263	32.833.696.263
Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh	4.499.507.039	4.412.167.480
Phải thu khách hàng khác	8.360.431.774	13.236.281.339
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	3.976.295.913	3.675.245.642
Công ty TNHH MTV thú y Thanh Phong	129.199.793	49.672.793
Lâm Quốc Việt	1.255.115.975	1.255.115.975
Phải thu khách hàng khác	2.591.980.145	2.370.456.874
Công ty Chế biến và XK Thủy sản Thọ Quang	2.754.871.155	1.657.955.074
Shinto Corporation	2.754.871.155	1.657.955.074
Cộng	185.061.582.246	185.697.605.968

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	588.203.721	4.111.789.550
Trạm gia công hàng XK Đồng Hới	255.398.497	-
Cty TNHH môi trường công nghệ Công Thành	125.166.000	-
Cty thoát và xử lý nước thải	159.670.174	-
MITSUBISHI CORPORATION,	-	4.026.869.550
Các khoản trả trước khác	47.969.050	84.920.000
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	6.000.000	-
Cty TNHH Toàn Long	6.000.000	-
Cộng	594.203.721	4.111.789.550

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

8. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn:				
Văn phòng Công ty	7.080.791.471	-	1.353.147.122	-
Thuế nhập khẩu 275 ngày	5.022.805.314	-	987.146.095	-
Bảo hiểm xã hội	182.116.145	-	227.531.523	-
Bảo hiểm thất nghiệp	24.651.998	-	22.188.761	-
Các khoản phải thu khác	1.601.885.781	-	9.451.200	-
Tạm ứng cá nhân	249.332.233	-	106.829.543	-
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	90.363.004	-	155.363.004	-
Tiền ứng án phí	85.363.004	-	85.363.004	-
Tạm ứng cá nhân	5.000.000	-	70.000.000	-
Chi nhánh Hải Phòng	15.545.232	-	79.591.482	-
Tạm ứng cá nhân	-	-	79.591.482	-
Tiền ứng án phí	15.545.232	-	-	-
Công ty PTNL Thủy sản	1.714.613	-	4.049.065	-
Tạm ứng cá nhân	-	-	4.049.065	-
Bảo hiểm xã hội	1.714.613	-	-	-
Cộng	7.188.414.320	-	1.592.150.673	-
b. Dài hạn:				
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	14.000.000	-	14.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	-	14.000.000	-
Cộng	14.000.000	-	14.000.000	-
Cộng	7.202.414.320	-	1.606.150.673	-

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	772.863.587
Nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	878.581.183	879.251.547
Nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	18.856.398.624	18.875.022.264
Cộng	19.734.979.807	20.527.137.398

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùl Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

9.1. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		Thời gian quá hạn		Thời gian quá hạn
Văn phòng Công ty	215.643.540	-	849.248.914	-
Công ty CP Bé tông Ly tâm Dung Quất	128.132.540	-	128.132.540	-
Công ty TNHH Mỹ Đức	87.511.000	-	87.511.000	-
Minobe Swissan	-	-	633.605.374	-
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	2.773.715.358	376.534.792	3.018.888.552	687.358.364
Nguyễn Thị Oanh	-	-	51.659.362	-
Nguyễn Ngọc Thanh	108.052.094	-	108.052.094	-
Ngô Minh	95.269.988	-	95.269.988	-
Mai Thị Tinh	169.741.083	-	190.741.083	-
Phan Thị Thu Hà	-	-	38.484.520	-
Lê Hữu Thiết	271.012.047	-	271.012.047	-
Phan Phước Hậu	255.926.322	-	305.926.322	-
Nguyễn Thế Chính	358.921.307	-	358.921.307	-
Công ty TNHH Toàn Tâm	42.745.376	-	66.745.376	-
Lâm Quốc Chuyển	54.035.287	-	54.035.287	-
Trần Ngọc Bình	162.895.879	-	172.895.879	-
Lâm thị Thu	-	-	50.029.312	-
Lâm Quốc Việt	1.255.115.975	376.534.792	1.255.115.975	627.557.988
Chi nhánh Hồ Chí Minh	16.825.155.701	-	16.993.152.696	-
Công ty TNHH Hà Đức	4.731.440.752	-	4.731.440.752	-
Công ty TNHH TM DV Nam Hà Việt	-	-	134.898.188	-
Công ty CP Sản xuất Phú Lâm	9.994.961.290	-	9.994.961.290	-
Công ty CP XNK Thủy sản Vũng tàu	-	-	33.098.807	-
Công ty TNHH Tân Hải Hưng	318.571.653	-	318.571.653	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	1.780.182.006	-	1.780.182.006	-
Chi nhánh Hải Phòng	297.000.000	-	587.611.200	234.405.600
Công ty CP ĐT và SX Thiết bị điện IPE	-	-	290.611.200	145.305.600
Công ty CP Sản xuất và TM Việt Mỹ	297.000.000	-	297.000.000	89.100.000
Cộng	20.111.514.599	376.534.792	21.448.901.362	921.763.964

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

10. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.336.387.594	-	4.562.796.466	-
Công cụ, dụng cụ	102.853.391	-	184.787.167	-
Chi phí SX, KD dở dang	32.636.629.029	-	115.476.986.875	-
Thành phẩm	579.509.715	-	580.564.375	-
Hàng hoá	25.191.114.444	(1.081.444.375)	71.198.400.688	-
Cộng	64.846.494.173	(1.081.444.375)	192.003.535.571	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	69.583.185	118.920.092
Chi phí nhập hàng	-	336.126.606
Cộng	69.583.185	455.046.698

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.011.793.412	113.035.474.699	6.037.205.195	799.491.297	191.883.964.603
Mua trong năm	-	979.686.888	-	-	979.686.888
Đ/tư XD CB h/thành	197.683.277	-	-	-	197.683.277
Thanh lý, nhượng bán	-	949.646.597	1.190.374.437	-	2.140.021.034
Giảm khác	458.270.689	-	-	101.286.667	559.557.356
Số dư cuối năm	71.751.206.000	113.065.514.990	4.846.830.758	698.204.630	190.361.756.378
Khấu hao					
Số dư đầu năm	47.199.743.256	93.272.158.339	5.268.509.596	559.527.558	146.299.938.749
Khấu hao trong năm	4.436.378.131	6.186.709.041	286.341.766	75.328.776	10.984.757.714
Thanh lý, nhượng bán	-	949.646.597	1.084.937.928	-	2.034.584.525
Giảm khác	458.270.689	-	-	101.286.667	559.557.356
Số dư cuối năm	51.177.850.698	98.509.220.783	4.469.913.434	533.569.667	154.690.554.582
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	24.812.050.156	19.763.316.360	768.695.599	239.963.739	45.584.025.854
Tại ngày cuối năm	20.573.355.302	14.556.294.207	376.917.324	164.634.963	35.671.201.796

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 103.500.612.294 đồng;
- Nguyên giá của TSCĐ mang đi thế chấp tại ngân hàng là 88.309.931.350 đồng;
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ mang đi thế chấp tại ngân hàng là 18.942.784.235 đồng.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	10.829.997.367	10.829.997.367
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	10.829.997.367	10.829.997.367
Khấu hao		
Số đầu năm	2.201.899.071	2.201.899.071
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	2.201.899.071	2.201.899.071
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	8.628.098.296	8.628.098.296
Số cuối năm	8.628.098.296	8.628.098.296

Nguyên giá của TSCĐ VH cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 đồng;

Nguyên giá của TSCĐ VH mang đi thế chấp tại ngân hàng là 5.063.551.776 đồng;

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ VH mang đi thế chấp tại ngân hàng là 5.063.551.776 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	2.851.128.034	427.286.888
Hệ thống xử lý nước thải	2.833.041.671	-
Hệ thống mương nước thải	18.086.363	-
Dàn làm lạnh phân xưởng 1 (Code DL190)	-	427.286.888
Cộng	2.851.128.034	427.286.888

15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết		2.859.870.000		2.859.870.000
- Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang (22,35%)	475.213	2.859.870.000	432.012	2.859.870.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		77.867.661		5.080.199.261
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	8.528	77.867.661	465.008	4.263.789.261
- Công ty CP Đông lạnh Quy Nhơn	-	-	93.140	816.410.000
Cộng		2.937.737.661		7.940.069.261

Công ty đã nhận được đầy đủ các Báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư với kết quả kinh doanh có lãi và vốn chủ sở hữu bảo toàn và phát triển. Hơn nữa, tại thời điểm 31/12/2015, cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam có giá giao dịch trên sàn lớn hơn giá gốc, còn lại tại Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch. Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối kỳ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị ghi nhận của các khoản vốn đã đầu tư là hợp lý. Do đó, các khoản đầu tư vào các công ty trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	3.809.597.058	11.269.502.267
Công ty TNHH Wanhai Việt Nam	194.517.000	-
XN Tư doanh Chế biến Thủy sản Cam Ranh	-	625.188.230
Trần Thị Tuyết Nhung	201.432.000	-
Zheshang Trading	-	4.688.868.966
Công ty TNHH Nhựa ABC	426.048.678	591.100.972
Công ty CP Đông Á	401.284.070	497.656.500
Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Phạm Nguyễn	-	501.230.400
Công ty CP Kỹ thuật Thủy sản	-	559.020.000
Công ty TNHH Thương mại XNK Siêu Phong	473.943.109	-
Các đối tượng khác	2.112.372.201	3.806.437.199
Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.896.200	796.430.800
Công ty TNHH Jebson & Jessen Ingredients Viet Nam	-	792.534.600
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hưng Phát Lợi	3.896.200	3.896.200
Chi nhánh Hải Phòng	-	3.386.235
Các đối tượng khác	-	3.386.235
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	-	65.653.630
Các đối tượng khác	-	65.653.630
Cộng	3.813.493.258	12.134.972.932

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn:		
Văn phòng Công ty	95.510.399	159.098.280
KV Trading Korea	56.350.000	-
Dong Young	-	64.695.880
Han Yang Chem CO.,LTD	-	74.402.400
Các đối tượng khác	39.160.399	20.000.000
Chi nhánh Hồ Chí Minh	193.000.000	424.000.000
Công ty TNHH Golden Ship Việt Nam	70.000.000	210.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thép Phúc Hà	123.000.000	195.000.000
Các đối tượng khác	-	19.000.000
Chi nhánh Hải Phòng	287.238.421	500.000.000
Công ty CP Inox Hoà Bình	287.238.421	-
Công ty TNHH Phương Nguyên Khang	-	500.000.000
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	5.483.200	50.223.100
Các đối tượng khác	5.483.200	50.223.100
Cộng	581.232.020	1.133.321.380

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế GTGT	-	706.146.332	45.837.157.435	44.111.698.300	-	2.431.605.467
Thuế xuất nhập khẩu	-	968.308.880	8.373.827.866	4.319.331.432	-	5.022.805.314
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	403.148.252	1.567.693.095	916.509.204	-	1.054.332.143
Thuế thu nhập cá nhân	39.722.762	-	885.438.560	616.827.015	-	228.888.783
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	952.967.815	952.967.815	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	39.722.762	2.077.603.464	57.622.084.771	50.922.333.766	-	8.737.631.707

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	349.455.440	240.630.443
Chi phí lãi vay	111.612.193	165.630.443
Trích trước cước VC xuất hàng, hàng NL nội địa	30.128.000	-
Trích trước chi phí bốc xếp thuê kho, sửa chữa	129.715.247	-
Chi phí kiểm toán	78.000.000	75.000.000
Công ty phát triển Nguồn lợi Thủy sản	164.327.819	36.374.071
Chi phí chiết khấu thương mại	164.327.819	36.374.071
Cộng	513.783.259	277.004.514

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	1.423.007.851	1.684.997.335
Kinh phí công đoàn	882.523.879	927.890.680
Bảo hiểm xã hội, y tế	159.481.310	145.625.550
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	257.992.970	486.517.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	123.009.692	124.963.905
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	2.269.315.696	2.295.909.483
Công ty Phú Lâm	1.000.000.000	1.000.000.000
Kinh phí công đoàn	30.792.224	23.789.483
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.238.523.472	1.272.120.000
Công ty phát triển Nguồn lợi Thủy sản	16.000.000	61.906.041
Kinh phí công đoàn	-	42.563.614
Bảo hiểm xã hội	-	3.342.427
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.000.000	16.000.000
Cộng	3.708.323.547	4.042.812.859

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

21. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn (VND)	169.552.478.427	169.552.478.427	457.243.573.714	401.943.647.500	114.252.552.213	114.252.552.213
+ Ngân hàng TM CP Công thương - Ngủ Hành Sơn	75.154.914.891	75.154.914.891	170.103.324.050	127.850.000.000	32.901.590.841	32.901.590.841
+ Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng	-	-	-	17.795.547.645	17.795.547.645	17.795.547.645
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	94.397.563.536	94.397.563.536	287.140.249.664	256.298.099.855	63.555.413.727	63.555.413.727
- Vay ngắn hạn (USD)	44.205.033.413	44.205.033.413	488.955.328.138	612.660.814.519	167.910.519.794	167.910.519.794
+ Ngân hàng TM CP Công thương - Ngủ Hành Sơn	12.609.547.692	12.609.547.692	146.577.980.484	190.377.984.734	56.409.551.942	56.409.551.942
+ Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng	11.083.310.120	11.083.310.120	74.595.454.571	153.054.832.928	89.542.688.477	89.542.688.477
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	20.512.175.601	20.512.175.601	266.036.157.254	260.361.883.383	14.837.901.730	14.837.901.730
+ Ngân hàng VID Public Đà Nẵng	-	-	1.745.735.829	8.866.113.474	7.120.377.645	7.120.377.645
Cộng	213.757.511.840	213.757.511.840	946.198.901.852	1.014.604.462.019	282.163.072.007	282.163.072.007

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

22. Vốn chủ sở hữu

22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	(51.650.000)	8.129.668.130	2.865.906.886	6.535.463.741	117.479.388.757
Tăng trong năm	-	-	-	67.971.019	6.493.754.510	6.561.725.529
Giảm trong năm	-	-	-	-	367.971.019	367.971.019
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	(51.650.000)	8.129.668.130	2.933.877.905	12.661.247.232	123.673.143.267
Trình bày lại theo TT200	-	-	2.933.877.905	(2.933.877.905)	-	-
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	(51.650.000)	11.063.546.035	-	12.661.247.232	123.673.143.267
Tăng trong năm	-	-	324.687.725	-	6.712.419.289	7.037.107.014
Giảm trong năm	-	-	-	-	9.010.455.966	9.010.455.966
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	(51.650.000)	11.388.233.760	-	10.363.210.555	121.699.794.315

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	54.675.380.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	56.324.620.000	45.324.620.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

22.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

22.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận pổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.712.419.289	6.493.754.510
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(685.768.241)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	671	581

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 Công ty đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Năm 2015 Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi nên lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 là toàn bộ sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

22.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận pổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.712.419.289	6.493.754.510
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(685.768.241)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	1.819.672	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	568	581

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Công ty dự kiến phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị chào bán là 20.000.000.000 đồng theo Biên bản đại hội cổ đông bất thường số 02/2015/BB-ĐHĐCĐ ngày 05/12/2015.

22.6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	12.661.247.232	6.535.463.741
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	6.712.419.289	6.493.754.510
Phân phối lợi nhuận	9.010.455.966	367.971.019
Phân phối lợi nhuận các năm trước	9.010.455.966	367.971.019
- Trích quỹ đầu tư phát triển	324.687.725	-
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	67.971.019
- Trích quỹ khen thưởng HĐQT	36.392.790	-
- Chia cổ tức	8.000.000.000	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	649.375.451	300.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.363.210.555	12.661.247.232

Công ty phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hải sản	615.011.659.438	765.977.565.956
Doanh thu vật tư hàng hóa	660.965.435.869	684.568.273.235
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc, dịch vụ	47.044.175.797	54.956.126.015
Cộng	1.323.021.271.104	1.505.501.965.206

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	135.463.000	76.757.039
Giảm giá hàng bán	8.006.000	8.374.550
Hàng bán bị trả lại	7.726.216.582	13.947.475.315
Cộng	7.869.685.582	14.032.606.904

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

25. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hải sản	573.416.712.365	727.886.953.330
Giá vốn vật tư hàng hóa	645.125.939.087	653.806.636.733
Giá vốn sản xuất thực ăn tôm, cá gia súc	27.816.881.889	21.867.034.786
Cộng	1.246.359.533.341	1.403.560.624.849

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	118.924.603	106.193.641
Cổ tức, lợi nhuận được chia	592.722.000	561.923.200
Lãi nhượng bán các khoản đầu tư	1.444.973.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	986.414.364	698.800.905
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.428.465	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.666.290.724	9.878.228.165
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.823
Cộng	9.822.753.556	11.245.148.734

27. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.186.946.822	13.884.526.773
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	165.679.172	303.678.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.683.540.348	1.944.281.430
Cộng	15.036.166.342	16.132.486.873

28. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	374.605.040	212.592.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.040.053.052	33.601.025.856
Chi phí bằng tiền khác	244.882.825	976.310.291
Cộng	24.659.540.917	34.789.929.035

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	20.873.643.600	26.879.109.122
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.382.562.978	3.171.546.427
Chi phí khấu hao TSCĐ	622.019.382	925.628.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.832.179.741	9.765.708.357
Cộng	31.710.405.701	40.741.992.544

30. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	374.303.205	269.494.878
Bảo hiểm bồi thường	-	8.843.362
Thu hồi công nợ đã xoá	-	79.986.016
Xử lý công nợ	649.414.118	-
Thu bồi thường	70.063.582	-
Thu nhập khác	52.916.579	532.238.399
Cộng	1.146.697.484	890.562.655

31. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Truy thu, phạt thuế	60.636.736	93.920.558
Chi phí khác	14.641.141	208.260.040
Cộng	75.277.877	302.180.598

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	442.251.842.555	513.148.892.790
Chi phí nhân công	65.963.606.282	77.805.298.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.984.757.714	12.045.022.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.300.909.930	68.230.271.029
Chi phí khác bằng tiền	5.600.337.916	6.744.696.975
Cộng	574.101.454.397	677.974.181.958

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.280.112.384	8.077.855.792
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(358.313.729)	(226.079.645)
Điều chỉnh tăng	247.836.736	335.843.555
- Chi phí không hợp lý	10.000.000	5.000.020
- Chi phí phạt thuế	60.636.736	93.920.558
- Thủ lao HĐQT không kiêm nhiệm	177.200.000	214.000.000
- Lãi c/lệch tỷ giá năm trước chưa thực hiện nay t/hiện	-	22.922.977
Điều chỉnh giảm	606.150.465	561.923.200
- Cổ tức lợi nhuận được chia	592.722.000	561.923.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.428.465	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.921.798.655	7.851.776.147
- Thu nhập của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	2.501.465.835	7.164.473.512
- Thu nhập của hoạt động khác	5.420.332.820	687.302.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.567.693.095	1.584.101.282
- Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	375.219.875	1.432.894.702
- Thuế TNDN của hoạt động khác	1.192.473.220	151.206.580
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.567.693.095	1.584.101.282

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh..

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Chi nhánh Hải Phòng		Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bộ phận	135.747.691.873	169.265.708.250	471.592.215.126	488.075.191.836	28.942.893.219	27.798.141.768	39.120.834.940	161.956.641.849
- Từ khách hàng bên ngoài	113.888.031.262	169.265.708.250	471.592.215.126	488.075.191.836	28.942.893.219	27.798.141.768	39.120.834.940	161.956.641.849
- Giữa các bộ phận	21.859.660.611	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	138.045.751.767	166.070.192.810	465.256.354.367	478.653.586.567	26.658.936.081	27.150.124.595	39.120.834.940	161.956.641.849
- Từ khách hàng bên ngoài	116.186.091.156	166.070.192.810	465.256.354.367	478.653.586.567	26.658.936.081	27.150.124.595	39.120.834.940	161.956.641.849
- Giữa các bộ phận	21.859.660.611	-	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	(2.298.059.894)	3.195.515.440	6.335.860.759	9.421.605.269	2.283.957.138	648.017.173	-	-
Lãi vay	7.571.509.392	10.727.893.740	4.942.807.423	8.483.401.469	(7.111.633)	229.709.201	-	-
Lãi (lỗ) hđ tài chính khác	190.056.070	4.334.471.120	6.049.715.121	5.063.991.779	2.964.403	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(7.381.453.322)	(6.393.422.620)	1.106.907.698	(3.419.409.690)	10.076.036	(229.709.201)	-	-
Thu nhập khác	5.000.000	9.900	347	40.000.175	64.689.110	50.732.353	-	-
Chi phí khác	9.693.080	9.555	-	-	561.141	59.262.515	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(4.693.080)	345	347	40.000.175	64.127.969	(8.530.162)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(9.684.206.296)	(3.197.906.835)	7.442.768.804	6.042.195.754	2.358.161.143	409.777.810	-	-
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(9.684.206.296)	(3.197.906.835)	7.442.768.804	6.042.195.754	2.358.161.143	409.777.810	-	-
- Tài sản ngắn hạn	46.511.515.648	653.829.406	60.384.079.346	8.290.317.637	6.764.983.185	4.469.878.608	2.824.800.046	-
- Tài sản dài hạn	-	-	5.399.581.818	5.986.321.126	3.407.711.631	4.468.635.000	-	-
Tổng tài sản	46.511.515.648	653.829.406	65.783.661.164	14.276.638.763	10.172.694.816	8.938.513.608	2.824.800.046	-
- Nợ ngắn hạn	46.511.515.648	108.142.900.413	57.397.369.504	95.973.041.166	1.605.179.872	1.894.270.790	2.824.800.046	1.743.649.552
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ	46.511.515.648	108.142.900.413	57.397.369.504	95.973.041.166	1.605.179.872	1.894.270.790	2.824.800.046	1.743.649.552
Khấu hao	200.000.000	200.000.000	550.967.739	641.621.576	742.494.820	991.888.075	-	-
Mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Văn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bộ phận	1.032.320.314.053	1.249.592.119.069	(392.572.363.689)	(605.218.444.470)	1.315.151.585.522	1.491.469.358.302
- Từ khách hàng bên ngoài	661.607.610.975	644.373.674.599	-	-	1.315.151.585.522	1.491.469.358.302
- Giữa các bộ phận	370.712.703.078	605.218.444.470	(392.572.363.689)	(605.218.444.470)	-	-
Chi phí bộ phận	1.026.219.966.493	1.250.480.445.077	(392.572.363.689)	(605.218.444.470)	1.302.729.479.959	1.479.092.546.428
- Từ khách hàng bên ngoài	655.507.263.415	645.262.000.607	-	-	1.302.729.479.959	1.479.092.546.428
- Giữa các bộ phận	370.712.703.078	605.218.444.470	(392.572.363.689)	(605.218.444.470)	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh	6.100.347.560	(888.326.008)	-	-	12.422.105.563	12.376.811.874
Lãi vay	10.113.915.062	13.586.221.088	(12.434.173.422)	(19.142.698.725)	10.186.946.822	13.884.526.773
Lãi (lỗ) hđ tài chính khác	11.164.971.864	18.741.424.460	(12.434.173.422)	(19.142.698.725)	4.973.534.036	8.997.188.634
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	1.051.056.802	5.155.203.372	-	-	(5.213.412.786)	(4.887.338.139)
Thu nhập khác	1.077.008.027	799.820.227	-	-	1.146.697.484	890.562.655
Chi phí khác	65.023.656	242.908.528	-	-	75.277.877	302.180.598
Lãi (lỗ) hoạt động khác	1.011.984.371	556.911.699	-	-	1.071.419.607	588.382.057
Lợi nhuận trước thuế	8.163.388.733	4.823.789.063	-	-	8.280.112.384	8.077.855.792
Thuế TNDN	1.567.693.095	1.584.101.282	-	-	1.567.693.095	1.584.101.282
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.595.695.638	3.239.687.781	-	-	6.712.419.289	6.493.754.510
- Tài sản ngắn hạn	299.890.881.374	373.300.810.969	(101.297.764.168)	-	315.078.495.431	386.714.836.620
- Tài sản dài hạn	41.294.872.338	52.401.287.782	-	-	50.102.165.787	62.856.243.908
Tổng tài sản	341.185.753.712	425.702.098.751	(101.297.764.168)	-	365.180.661.218	449.571.080.528
- Nợ ngắn hạn	236.439.766.001	118.144.075.340	(101.297.764.168)	-	243.480.866.903	325.897.937.261
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ	236.439.766.001	118.144.075.340	(101.297.764.168)	-	243.480.866.903	325.900.826.150
Khấu hao	9.491.295.155	10.211.512.978	-	-	10.984.757.714	12.045.022.629
Mua sắm tài sản	1.177.370.165	1.908.119.000	-	-	1.177.370.165	1.908.119.000

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền		
- USD	966.504,06	54.420,86

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Công ty mua hàng hóa, nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa, nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng cho các nhà phân phối. Để hạn chế công nợ chậm thanh toán Công ty đã thực hiện mức chiết khấu thanh toán cho các nhà phân phối với các tỷ lệ trên số dư nợ cuối tháng. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiên hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Số cuối năm	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.813.493.258	-	3.813.493.258
Chi phí phải trả	513.783.259	-	513.783.259
Vay và nợ thuê tài chính	213.757.511.840	-	213.757.511.840
Phải trả khác	2.635.526.134	-	2.635.526.134
Cộng	220.720.314.491	-	220.720.314.491

Số đầu năm	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.134.972.932	-	12.134.972.932
Chi phí phải trả	277.004.514	-	277.004.514
Vay và nợ thuê tài chính	282.163.072.007	-	282.163.072.007
Phải trả khác	2.899.601.105	-	2.899.601.105
Cộng	297.474.650.558	-	297.474.650.558

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Số cuối năm	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.754.782.132	-	74.754.782.132
Phải thu khách hàng	165.326.602.439	-	165.326.602.439
Phải thu khác	6.739.599.331	14.000.000	6.753.599.331
Cộng	246.820.983.902	14.000.000	246.834.983.902

Số đầu năm	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.804.030.783	-	20.804.030.783
Phải thu khách hàng	165.170.468.570	-	165.170.468.570
Phải thu khác	1.081.960.299	14.000.000	1.095.960.299
Cộng	187.056.459.652	14.000.000	187.070.459.652

36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang

Công ty liên kết

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức:		
Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang		
- Cổ tức được chia	432.012.000	249.920.000
- Cổ tức đã nhận	432.012.000	249.920.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.959.729.594	919.070.535
Thù lao Hội đồng Quản trị	252.800.000	652.812.111
Cộng	2.212.529.594	1.571.882.646

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

38. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 02 tháng 02 năm 2016.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU**LÊ THANH PHƯƠNG****KẾ TOÁN TRƯỞNG****LÊ THANH PHƯƠNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN HOÀNG GIANG**

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

